

Số: 354/2018/DS-ST

Ngày: 10-8-2018

V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Tô Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Dung

2. Ông Vũ Ngọc Tiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Mạnh Thị Tú Uyên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 tháng 7 năm 2018 và ngày 10 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2017/TLST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2018/QĐXXST-DS ngày 17/5/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2018/QĐST- DS ngày 07/6/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Đông V

Địa chỉ: khu phố v, đường N, phường T, Tp. B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lâm Đăng P

Địa chỉ: E khu phố a, đường số x, phường P, Quận c, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo giấy ủy quyền số 1511, quyền số 08 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/5/2017 của Văn phòng công chứng Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn kiến trúc và nội thất A

Trụ sở: C đường H, Phường c, Quận x, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Chu Quỳnh Bảo N nhân viên.

(Theo giấy ủy quyền ngày 10/8/2017 của Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn kiến trúc và nội thất A).

(Các đương sự có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/5/2017 của nguyên đơn bà Vũ Đông V và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện: Vào năm 2017, bà Vũ Đông V với Công ty trách nhiệm hữu hạn kiến trúc và nội thất A ký hợp đồng thiết số 05/2017/HĐTKCty (không ngày tháng), theo đó Công ty Asẽ thực hiện công việc tư vấn thiết kế kiến trúc và nội thất cho bà V đối với công trình nhà ở kết hợp với kinh doanh tại địa chỉ số 208 khu Phố 1, Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai”. Cụ thể:

Thiết kế kiến trúc: Mặt bằng bố trí các tầng (mặt bằng các tầng); Phối cảnh (3 góc phối cảnh chính); Bản vẽ triển khai kiến trúc; Bản vẽ thiết kế sân vườn (Thiết kế cổng, hàng rào, sân vườn, đường đi); Thiết kế kết cấu và M&E;

Thiết kế nội thất: Phối cảnh chi tiết các tầng (bao gồm tất cả các phòng); Bản vẽ triển khai nội thất (bản vẽ bố trí vật dụng (tất cả các phòng trong nhà); bản vẽ bố trí gạch nền, gạch tường, bản vẽ chi tiết tất cả các lầu (bao gồm tất cả các phòng), bản vẽ chi tiết bếp, bản vẽ trần, chi tiết trần (tất cả các phòng), bản vẽ bố trí đèn (tất cả các phòng), bản vẽ kích thước các vật dụng.

Tiến độ các công việc thiết kế kiến trúc và nội thất được chia thành 04 giai đoạn:

Giai đoạn 1: Thiết kế phối cảnh 3d ngoại thất, và bố trí phòng;

Giai đoạn 2: Thiết kế bản vẽ thi công phần kiến trúc, kết cấu, nước, điện;

Giai đoạn 3: Thiết kế phối cảnh 3d nội thất các phòng;

Giai đoạn 4: Thiết kế bản vẽ thi công phần kiến trúc còn lại, bản vẽ thi công nội thất.

Bà V đã thanh toán đợt 1 theo hợp đồng là 45.000.000 đồng, gồm tiền đặt cọc 10.000.000 đồng. Ngày 21/4/2017 bà V chuyển tiếp số tiền 17.000.000 đồng vào tài khoản của ông Nguyễn Hữu Nhật Để bên bị đơn xin phép xây dựng đối với công trình. Ông T cam kết đây là chi phí xin phép xây dựng sẽ hoàn lại cho bà V khi các bên ký hợp đồng xây dựng. Tuy nhiên, đến thời điểm 09/5/2017, nguyên đơn vẫn chưa nhận được bất kỳ bản vẽ thiết kế giai đoạn 1 theo hợp đồng.

Do Công ty Akhông đáp ứng được yêu cầu thiết kế, làm chậm các tiến trình thiết kế, xây dựng theo thỏa thuận ban đầu, gian dối về việc xin giấy phép xây dựng, giả vờ việc phải tiến hành song song nhiều công việc liên quan đến thiết kế để yêu cầu bà V thanh toán các đợt sau, trong khi, công việc thiết kế giai đoạn 1 chưa hoàn thành, và thiếu tôn trọng khách hàng nên bà V có yêu cầu thanh lý hợp đồng và yêu cầu Công ty A trả lại toàn bộ số tiền 62.000.000 đồng mà bà V đã thanh toán. Số tiền này bà V chuyển khoản (chia làm 4 lần) cho Công ty Aqua tài khoản của ông Nguyễn Hữu Nhật T, số tài khoản 050049490620, Ngân hàng thương mại Sài Gòn Thương Tín Nha Trang, Khánh Hòa, theo Điều 5.1 của hợp đồng.

Nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại toàn bộ số tiền 62.000.000 đồng cho nguyên đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Chu Quỳnh Bảo N trình bày: xác nhận Công ty trách nhiệm hữu hạn kiến trúc và nội thất A với bà Vũ Đông V ký hợp đồng thiết số 05/2017/HĐTKcty, nội dung gồm 04 giai đoạn như nguyên đơn trình bày là đúng. Sau khi nhận thanh toán đợt 1 của bà V là 45.000.000 đồng, gồm tiền đặt cọc 10.000.000 đồng, Công ty A đã tiến hành các công việc theo hợp đồng.

Ngày 11 tháng 4 năm 2017, Công ty A gửi các mặt bằng thể hiện bố trí phòng; Bản vẽ thiết kế sân vườn (thiết kế cổng, hàng rào, sân vườn, đường đi) cho bà V xem. Đây chính là thiết kế cơ sở, phần cơ bản nhất trong thiết kế thể hiện bố cục công trình gồm cách phân bố các phòng chức năng, số tầng, chiều cao của công trình, cửa đi, cửa sổ ... theo yêu cầu của bà V. Sau khi xem xét, bà V đã đề nghị điều chỉnh một vài chỗ, và Công ty A đã chỉnh sửa theo ý của bà V, bà V đã chấp thuận vào ngày 13 tháng 4 năm 2017. Do đó, dựa trên thiết kế cơ sở này, Công ty A sẽ triển khai thiết kế kiến trúc và thiết kế nội thất theo hợp đồng theo yêu cầu của bà V.

Ngày 13 tháng 4 năm 2017, các bên đồng ý triển khai bản vẽ thiết kế kỹ thuật thi công và dựa trên thiết kế cơ sở mà bà V đã đồng ý và dựa trên kiến thức chuyên môn, Công ty A đã tiến hành thiết kế để thi công căn nhà. Còn bản vẽ điện, nước đang trong quá trình triển khai và chưa hoàn tất thì Công ty A tạm ngưng thực hiện do bà V chưa thực hiện thanh toán đợt 2 theo thỏa thuận tại Điều 4(ii) của hợp đồng.

Cùng ngày 13 tháng 4 năm 2017, đối với bản vẽ phối cảnh (phối cảnh chi tiết các tầng) (bao gồm tất cả các phòng) mà bà V đã yêu cầu triển khai, Công ty A đã hoàn thành bản thảo để bà V xem xét và bổ sung, tuy nhiên, theo yêu cầu hoàn thành sớm của bà V, Công ty A đã làm việc trực tiếp với bà V để chỉnh sửa trực tiếp nhưng các bên vẫn chưa thống nhất bản vẽ phối cảnh cuối cùng. Sau khi bản vẽ phối cảnh được chấp thuận, Công ty A mới có cơ sở thực hiện bản vẽ triển khai nội thất. Do đó, Công ty A chưa thực hiện bản vẽ triển khai nội thất cho bà V.

Ngày 07 tháng 5 năm 2017, Công ty A đã hoàn thành các bản vẽ thiết kế theo hợp đồng như sau cho bà V:

Các mặt bằng thể hiện bố trí phòng;

Bản vẽ thiết kế sân vườn (thiết kế cổng, hàng rào, sân vườn, đường đi);

Phối cảnh 3D ngoại thất (mặt đứng);

Bản vẽ triển khai kiến trúc;

Bản vẽ triển khai kết cấu.

Về thù lao công việc mà Công ty A đã thực hiện cho bà V.

Công ty A đã hoàn thành 05 đầu mục công việc nêu trên trong tổng số 8 đầu mục công việc theo thỏa thuận Hợp đồng. Do đó, bà V phải thanh toán cho Công ty A giá trị công việc mà Công ty A đã hoàn thành theo yêu cầu của bà V với số tiền là: $(135.000.000 : 8) \times 5 = 84.375.000$ đồng. Tuy nhiên, liên quan đến phối cảnh 3D ngoại thất, Công ty A và bà V chưa thống nhất đối với phần sân thượng nên Công ty A chỉ yêu cầu bà V thanh toán số tiền 40.000.000 đồng, thay vì phải thanh toán là 84.375.000 đồng.

Như vậy Công ty A đã thực hiện một phần công việc cho bà V, nên không đồng ý trả toàn bộ số tiền cho bà V, mà chỉ trả cho bà V số tiền 5.000.000 đồng.

Công ty A thừa nhận có nhận của bà V số tiền 45.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty Arcbox, riêng số tiền 17.000.000 đồng mà bà V nói là tiền xin phép xây dựng thì Công ty A không nhận được. Do bà V chuyển vào tài khoản của ông Nguyễn Hữu Nhật T, do ông T hiện nay nghỉ việc nên Công ty A chưa liên lạc được với ông T. Số tiền này không thể hiện trong hợp đồng thiết kế, thực tế Công ty A cũng không nhận được số tiền 17.000.000 đồng từ ông T. Nên đề nghị bà V gặp ông T để giải quyết số tiền này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền 62.000.000 đồng.

Bị đơn chỉ đồng ý trả lại cho nguyên đơn số tiền 5.000.000 đồng.

Phản tranh luận:

Người đại diện của nguyên đơn trình bày: Bị đơn không tôn trọng khách hàng, làm chậm tiến độ thi công, chưa có giấy phép xây dựng, bản vẽ thiết kế giai đoạn 1 chưa có. Nguyên đơn đã chuyển cho bị đơn số tiền 17.000.000 đồng vào tài khoản của bị đơn, nên không có cơ sở nói rằng chưa nhận được số tiền này, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 62.000.000 đồng.

Người đại diện của bị đơn trình bày: Không đồng ý với ý kiến tranh luận của đại diện nguyên đơn đưa ra, vì nếu bà V không đồng ý thì không thể có quá trình làm việc giữa nguyên đơn và bị đơn hơn 1,5 tháng được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận 5/8 đầu mục công việc mà bị đơn đã làm cho nguyên đơn. Bị đơn chỉ đồng ý trả lại cho nguyên đơn số tiền 5.000.000 đồng và hỗ trợ một phần đối với số tiền 17.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tiến hành thu thập chứng cứ theo đúng quy của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên Thẩm phán còn vi phạm thời hạn đưa vụ án ra xét xử. Các đương sự thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Tiến độ công việc của bị đơn đã đạt được kết quả nhất định, nên cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn có trách nhiệm trả lại số tiền đã nhận để xin giấy phép xây dựng là 17.000.000 đồng và 5.000.000 đồng, tổng cộng là 22.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Đông V yêu cầu bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn kiến trúc và nội thất A trả số tiền đã thỏa thuận theo hợp đồng thiết kế, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “tranh chấp hợp đồng dân sự” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn kiến trúc và nội thất A có trụ sở tại Quận 10 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Trong biên bản hòa giải ngày 21/8/2017 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có yêu cầu Tòa án triệu tập ông Nguyễn Hữu Nhật T tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ngày 06 tháng 11 năm 2017 Tòa án ra quyết định yêu cầu thu thập chứng cứ đối với bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn kiến trúc và nội thất A về việc giao nộp hợp đồng lao động của ông T và cung cấp địa chỉ của ông T. Ngày 15/12/2017 bị đơn đã cung cấp địa chỉ của ông T. Theo địa chỉ Tòa án tiến hành tổng đạt nhưng do địa chỉ không rõ ràng nên không tổng đạt được.

Ngày 25 tháng 01 năm 2018 Tòa án ra quyết định yêu cầu nguyên đơn cung cấp chứng cứ là địa chỉ khác của ông Nguyễn Hữu Nhật T nhưng người đại diện của nguyên đơn có văn bản ngày 15/3/2018 trả lời không cung cấp được địa chỉ nào khác của ông T. Do đó không có cơ sở để triệu tập ông Nguyễn Hữu Nhật T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ hợp đồng thiết kế số 05/2017/HĐTKCty có cơ sở để xác định giữa bà Vy và Công ty trách nhiệm hữu hạn kiến trúc và nội thất A có ký hợp đồng dịch vụ để Công ty trách nhiệm hữu hạn kiến trúc và nội thất A thiết kế nhà cho nguyên đơn. Giữa nguyên đơn và bị đơn đã xác lập giao dịch dân sự và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ với nhau là phù hợp với quy định tại Điều 116 Bộ luật dân sự năm 2015. Theo quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015 thì đây là giao dịch dân sự có hiệu lực thi hành.

[2.1.1] Về hình thức của hợp đồng:

Hợp đồng thiết kế số 05/2017/HĐTKCty được làm bằng văn bản, hai bên tham gia hợp đồng là người có năng lực hành vi dân sự, được ký tên và đóng dấu của pháp nhân tham gia giao dịch là phù hợp với quy định tại Điều 119 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.1.2] Về nội dung của hợp đồng:

Theo quy định của các điều khoản trong hợp đồng có cơ sở để xác định giữa nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận với nhau về việc nguyên đơn cung cấp thông tin, tài liệu về nhà đất cho bị đơn để bị đơn thực hiện công việc đúng chất lượng, thời hạn và địa điểm cho nguyên đơn. Cụ thể bị đơn phải tư vấn, thiết kế kiến trúc và nội thất tại công trình là nhà ở kết hợp với kinh doanh tại địa chỉ số C khu Phố X, Nguyễn Văn Hoa, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Bị đơn là bên cung ứng dịch vụ và thực hiện công việc cho nguyên đơn, nguyên đơn là bên sử dụng dịch vụ và phải trả tiền dịch vụ cho bị đơn. Đây là hợp đồng dịch vụ được quy định tại Điều 513 Bộ luật dân sự năm 2015.

Xét, bị đơn đã nhận của nguyên đơn số tiền 62.000.000 đồng gồm tiền đặt cọc 10.000.000 đồng, tiền công trình 35.000.000 đồng và tiền hỗ trợ xin xây phép xây dựng 17.000.000 đồng. Bị đơn đã thực hiện thiết kế được 5 đầu mục công việc trong tổng số 8 đầu mục công việc cho nguyên đơn, gồm: Các mặt bằng thể hiện bố trí phòng; Bản vẽ thiết kế sân vườn (thiết kế công, hàng rào, sân vườn, đường đi); Phối cảnh 3D ngoại thất (mặt đứng); Bản vẽ triển khai kiến trúc; Bản vẽ triển khai kết cấu. Như vậy bị đơn đã thực hiện được gần 2/3 công việc cho nguyên đơn và phải nhận được sự trả công đúng với công sức phía bị đơn bỏ ra.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 520 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì: *Trường hợp việc tiếp tục thực hiện công việc không có lợi cho bên sử dụng dịch vụ thì bên sử dụng dịch vụ có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng, nhưng phải báo cho bên cung ứng dịch vụ biết trước một thời gian hợp lý; bên sử dụng dịch vụ phải trả tiền công theo phần dịch vụ mà bên cung ứng dịch vụ đã thực hiện và bồi thường thiệt hại.*

Nguyên đơn lập luận rằng do bị đơn không đáp ứng được yêu cầu thiết kế, làm chậm các tiến trình thiết kế, công việc thiết kế giai đoạn 1 chưa hoàn thành,... để yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số tiền mà bị đơn đã nhận cho nguyên đơn là không có căn cứ để chấp nhận. Mặt khác tại các điều khoản của hợp đồng, không có quy định nào để ràng buộc trách nhiệm của hai bên khi một bên vi phạm, đây lỗi của nguyên đơn khi tham gia ký kết hợp đồng đã không lường trước được những phát sinh có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng. Tại Điều 4 của hợp đồng quy định nghĩa vụ thanh toán đợt 1 là 45.000.000 đồng (gồm tiền đặt cọc 10.000.000 đồng) ngay khi ký hợp đồng, như vậy bà V đã ký hợp đồng là mặc nhiên đồng ý với điều khoản này trong hợp đồng. Do nguyên đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng với bị đơn nên nguyên đơn phải trả tiền công theo phần dịch vụ mà bị đơn đã thực hiện cho nguyên đơn là phù hợp với tinh thần của Điều 520 Bộ luật dân sự nêu trên.

Việc bị đơn cho rằng chỉ nhận của nguyên đơn số tiền 45.000.000 đồng mà không nhận được số tiền 17.000.000 đồng và lập luận rằng đây là số tiền nguyên đơn xin giấy phép xây dựng mà trong hợp đồng không có quy định, và số tiền này được gửi vào tài khoản của ông Nguyễn Hữu Nhật Thành.

Xét, khi ký kết hợp đồng, Điều 5 hợp đồng quy định rõ thời hạn và hình thức thanh toán, bị đơn đồng ý đưa số tài khoản của ông Nguyễn Hữu Nhật Tại Ngân hàng thương mại Sài Gòn Thương Tín Nha Trang, Khánh Hòa để bên nguyên đơn thanh toán cho bị đơn. Thực tế tại bảng sao kê tài khoản của nguyên đơn bà Vũ Đông V cho thấy bà V đã chuyển tiền vào tài khoản của ông T trong các ngày: 23/3/2017, ngày 28/3/2017, ngày 21/4/2017. Nhưng bị đơn chỉ thừa nhận hai lần đầu là nhận được số tiền 45.000.000 đồng, còn lần sau cùng nguyên đơn chuyển 17.000.000 đồng cũng vào tài khoản của ông T thì bị đơn không thừa nhận có số tiền này trong tài khoản của công ty mình là không hợp lý, nên không có căn cứ để chấp nhận.

Từ những phân tích trên, có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nguyên đơn phải chịu chi phí đối với công việc mà bị đơn đã tiến hành cho nguyên đơn là 40.000.000 đồng, buộc bị đơn có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn số tiền đã nhận để xin giấy phép xây dựng là 17.000.000 đồng và 5.000.000 đồng mà bị đơn tự nguyện trả lại cho nguyên đơn, tổng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 22.000.000 đồng.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Theo đó *nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận.*

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 116, 117, 119, 513, 520 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Đông V.

Buộc bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn kiến trúc và nội thất A có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Vũ Đông V số tiền 22.000.000 đồng.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ, thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

[2]. Án phí dân sự sơ thẩm là 3.100.000 đồng:

[2.1]. Công ty trách nhiệm hữu hạn kiến trúc và nội thất A phải chịu 1.100.000 đồng.

[2.2]. Bà Vũ Đông V phải chịu 2.000.000 đồng. Bà Vũ Đông V đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 1.550.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0001458 ngày 09/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Vũ Đông V còn phải nộp số tiền 450.000 đồng.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÂM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Tố Nhân